

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 42/2020/KDTM-PT

Ngày: 14/5/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Các thẩm phán:

Bà Ngô Tuyết Băng

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: **Bà Đoàn Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Đỗ Tuyết Nhung** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 14/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 82/2020/TLPT-KDTM ngày 11/03/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2019/KDTM-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 146/2020/QĐXXPT-KDTM ngày 04/5/2020, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng L

Trụ sở: Số 133-135 LDC, khu phố X, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Đỗ Văn T.** Chức vụ: Giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Sơn T** (Giấy ủy quyền ngày 21/01/2020)

Địa chỉ: Số 346 ĐC, phường C, quận B, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Công ty Cổ phần Li

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà J, số 34 ngõ 164 KDT, phường N, quận T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Vũ Công H.** Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà Nguyễn Hải Y**, sinh 1989 (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/3/2020)

Địa chỉ: Số 18 ngõ 29 đường D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 13/2/2016, Công ty TNHH Xây dựng L (Gọi tắt là Công ty L) và Công ty Cổ phần Li (Gọi tắt là Công ty Li) có ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 10/2016/G6B-HĐ-XD. Nội dung hợp đồng thể hiện việc: Công ty Li cung cấp nhân công, máy và phương tiện phục vụ thi công lắp đặt thảm đá gói thầu 6B thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình cho tàu biển tải trọng lớn vào Sông Hậu: thi công kè bảo vệ bờ trái từ Km7+078 đến Km7+178, thi công kè bảo vệ bờ phải từ Km6+428 đến Km7+178. Địa điểm xây dựng: huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Giá trị hợp đồng là 4.566.900.000đ, thời gian hoàn thành toàn bộ gói thầu từ 13/02/2016 đến 30/4/2016.

Ngày 28/4/2016, Công ty L và Công ty Li ký Phụ lục hợp đồng thi công xây dựng số 01-PLHĐ 04/2016/G6B-HĐ-XD điều chỉnh thời gian thi công hoàn thành gói thầu là ngày 30/7/2016.

Công ty L và Công ty Li tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 02/2016/G6B-HĐXD không đề ngày năm 2016 điều chỉnh giá trị hợp đồng tăng lên là 5.580.900.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày hoàn thành công trình 04/01/2017, Công ty L và Công ty Li đã tiến hành nghiệm thu khối lượng thực hiện hoàn thành, bảng thanh toán giá trị hoàn thành của 07 đợt thi công là 5.578.300.000đ và Công ty L đã xuất 10 lần hóa đơn GTGT cho Công ty Li với tổng giá trị nghiệm thu là 5.807.267.210đ.

Tính đến ngày 12/02/2018, Công ty Li đã thanh toán cho Công ty L tổng số tiền là 4.753.4441.210đ, số tiền chưa thanh toán là 1.053.826.000đ.

Công ty L đề nghị Tòa án buộc Công ty Li thanh toán trả cho Công ty L số tiền 1.180.285.120đ, trong đó nợ gốc là 1.053.826.000đ và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 04/7/2018 là 126.459.120đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty L xin rút yêu cầu một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Công ty L chỉ yêu cầu Công ty Li thanh toán số tiền nợ gốc là 1.053.826.000đ.

Công ty Li thừa nhận có ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 10/2016/G6B-HĐ-XD ngày 13/02/2016 và các phụ lục hợp đồng với Công ty L đúng như Công ty L đã trình bày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Li đã thanh toán cho Công ty L qua tài khoản ngân hàng và tiền mặt với tổng số tiền là 4.753.441.210đ. Ngày 11/02/2018, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ qua email xác nhận số nợ còn lại của Công ty Li là 988.931.454đ. Đến ngày 12/02/2018, mặc dù chưa được nhà thầu chính thanh toán giá trị còn lại nhưng công ty Li đã thanh toán cho Công ty L số tiền 440.000.000đ. Như vậy, hiện tại số tiền Công ty Li còn nợ Công ty L là 548.931.454đ - 278.000.000đ (tiền bảo hành theo hợp đồng) = 270.931.454đ.

Ngoài ra, theo Điều 4.2 của Hợp đồng thi công xây dựng số 10/2016/G6B-HĐ-XD ngày 13/2/2016 quy định “*Bên A (Công ty Li) sẽ thanh toán cho bên B (Công ty L) phần giá trị khối lượng hoàn thành còn lại trên cơ sở khối lượng hoàn thành được thầu chính nghiệm thu thanh toán trả tiền nhân với đơn giá nêu tại khoản 2 Điều 2 sau khi trừ tiền giữ lại bảo hành công trình, tiền chờ quyết toán, tiền tạm ứng (nếu có) và khấu trừ 100% giá trị vật tư, các dịch vụ khác (nếu có) do bên A cung cấp*”, Công ty Li không đồng ý thanh toán số tiền lãi phát sinh do đặc thù công việc, số tiền mà Công ty Li chưa thanh toán được cho Công ty L vì Công ty Li đang trong quá trình cùng Công ty L hoàn thiện hồ sơ quyết toán với thầu chính về khối lượng hoàn thành công trình.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2019/KDTM-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng L về việc Công ty Cổ phần Li phải thanh toán số tiền chậm thanh toán theo hợp đồng số 10/2016/G6B-HĐ-XD ngày 13/2/2016 về thi công xây dựng.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng L yêu cầu Công ty Cổ phần Li thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 04/7/2018 là 126.459.120đ

2. Buộc Công ty Cổ phần Li phải thanh toán trả Công ty TNHH Xây dựng L số tiền nợ gốc là 1.053.826.000đ

Ngoài ra Bản án còn tuyên về việc phải chịu lãi suất do chậm thi hành án và nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm cùng quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án nêu trên, ngày 01/10/2019, Công ty Li có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do không đồng ý với kết quả giải quyết của bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét khách quan tình tiết vụ án.

Tại cấp phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán ngay số tiền nợ gốc là 1.053.826.000đ và tiền lãi tính từ ngày 04/01/2017 đến ngày 04/4/2020 với lãi suất 10%/năm: $1.053.826.000đ \times 10\%/năm \times 3,3 \text{ năm} = 347.762.580đ$. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn xuất trình 01 Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 201/2014/G6B/SH-TV ngày 23/12/2014 và Bảng tổng hợp đối chiếu công nợ giữa Tổng Công ty Xây dựng T và Công ty Cổ phần Li, đồng thời cho rằng Bị đơn chưa đến thời điểm phải thanh toán tiền cho Nguyên đơn theo hợp đồng đã ký giữa hai bên do Bị đơn chưa tiến hành tổng hợp khối lượng quyết toán với Tổng Công ty Xây dựng T nên Bị đơn chưa thực hiện việc đối chiếu công nợ và thanh toán tiền cho Nguyên đơn. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của Bị đơn.

Viện Kiểm sát thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm và đề xuất giải quyết vụ án có nội dung:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bị đơn là hợp lệ. TAND thành phố Hà Nội thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và thời hạn. Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn đã thừa nhận số tiền phải thanh toán cho Nguyên đơn nên phải có trách nhiệm thanh toán theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng. Do đó, kháng cáo của Bị đơn không có căn cứ để

chấp nhận. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm, Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Bị đơn làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo: Xét về Hợp đồng thi công xây dựng số 10/2016/G6B-HĐ-XD ngày 13/02/2016 và các Phụ lục Hợp đồng số 01-PLHĐ 04/2016/G6B-HĐ-XD ngày 28/4/2016, Phụ lục hợp đồng số 02/2016/G6B-HĐXD không đề ngày tháng năm 2016 giữa Công ty L và Công ty Li được ký kết bởi chủ thể có quyền tham gia ký kết. Nội dung của hợp đồng thể hiện sự tự nguyện của các bên khi tham gia giao kết và đúng với quy định của pháp luật nên các bên có nghĩa vụ phải tuân thủ thực hiện. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Nguyên đơn và Bị đơn đều thừa nhận khối lượng và giá trị khối lượng hoàn thành công trình là 5.578.300.000đ; tổng giá trị Công ty L đã xuất hóa đơn GTGT là 5.807.267.210đ và số tiền hai bên đã thanh toán qua tài khoản ngân hàng và tiền mặt là 4.753.441.210đ. Hiện tại, hai bên chỉ chênh lệch số tiền Công ty Li còn phải thanh toán cho Công ty L.

Công ty Li cho rằng các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ qua email ngày 11/02/2018 xác nhận công nợ giữa hai bên là 988.931.454đ. Đến ngày 12/02/2018, mặc dù chưa được nhà thầu chính thanh toán giá trị còn lại nhưng Công ty Li đã thanh toán cho Công ty L số tiền 440.000.000đ. Để chứng minh cho việc này, Công ty Li chỉ xuất trình được cho Tòa án cấp sơ thẩm 01 bản giấy photo từ thư điện tử (email) với nội dung “Theo KH Công ty em TT đợt này cho anh 500.000.000đ được thực hiện như sau: Sáng mai em chuyển cho anh 440.000.000đ sau đó anh chuyển trả lại 440.000.000đ, em nộp vào TKNH rồi chuyển TT cho anh 500.000.000đ. Anh xem phản hồi sớm cho em nhé”. Ngoài ra, đại diện Công ty Li trình bày tại phiên tòa sơ thẩm trong hợp đồng không hề có bất kỳ điều khoản nào thỏa thuận giữa hai bên về việc đối chiếu công nợ qua email nên việc xác nhận nợ qua email ngày 11/02/2018 không được coi là hợp lệ. Công ty Li cũng không xuất

trình được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc Công ty Li đã thanh toán số tiền 440.000.000đ cho Công ty L. Cũng tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Li cũng thừa nhận số tiền còn lại phải thanh toán cho Công ty L là 1.053.826.000đ.

Bị đơn còn cho rằng theo quy định tại Điều 4.2 của Hợp đồng thi công xây dựng số 10/2016/G6B-HĐ-XD ngày 13/02/2016 thì Bị đơn chưa đến thời điểm phải thanh toán tiền cho Nguyên đơn do chưa hoàn thiện hồ sơ quyết toán đối với thầu chính. Hội đồng xét xử thấy rằng, hồ sơ vụ án thể hiện Nguyên đơn và Bị đơn đã tiến hành đối chiếu khối lượng và giá trị khối lượng hoàn thành 07 lần, Nguyên đơn đã tiến hành xuất hóa đơn GTGT 10 lần cho Bị đơn, Bị đơn cũng đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 4.753.441.210đ theo quy định của hợp đồng đã ký kết. Hơn nữa, công trình thi công này đã được đưa vào sử dụng, đã được ban quản lý dự án xác nhận hết thời gian bảo hành công trình. Do đó, Bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ lại là 1.053.826.000đ cho Nguyên đơn.

Về tiền lãi chậm thanh toán, tại cấp sơ thẩm Nguyên đơn đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện này của Nguyên đơn. Tại cấp phúc thẩm, Nguyên đơn đưa ra yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm. HĐXX thấy rằng phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét những vấn đề liên quan đến yêu cầu kháng cáo của đương sự. Trong vụ án này, Nguyên đơn không kháng cáo, cũng đã xin rút yêu cầu này tại cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để HĐXX xem xét tại cấp phúc thẩm.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L là có căn cứ nên kháng cáo của Công ty Li không có cơ sở để chấp nhận. Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty Li phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2019/KDTM-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng L yêu cầu Công ty Cổ phần Li thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 04/7/2018 là 126.459.120đ.

2. Chấp nhận yêu cầu đòi thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu của Công ty TNHH Xây dựng L đối với Công ty Cổ phần Li. Công ty Cổ phần Li phải thanh toán trả Công ty TNHH Xây dựng L số tiền nợ gốc là 1.053.826.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần Li phải chịu 43.614.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, Công ty đã nộp 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0006434 ngày 17/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, nay còn phải nộp tiếp 43.614.000đ.

Hoàn trả Công ty TNHH Xây dựng L 23.704.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005753 ngày 05/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THA Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thuý Hạnh